**CHƯƠNG II: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT**

# Câu 1. Mối liên hệ giữa các sự vật, hiện tượng có tính chất gì?

1. Khách quan, tiền định.
2. Chủ quan, phổ biến.
3. *Khách quan, phổ biến, đa dạng*
4. Cả a, b và đều sai

# Câu 2. Những mối liên hệ (MLH) nào giữ vai trò quyết định sự vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng?

a. MLH khách quan và chủ quan.

b. MLH bên ngoài.

1. *MLH bên trong.*
2. MLH cả bên trong lẫn bên ngoài.

# Câu 3. Quan niệm triết học mácxít coi phát triển là gì?

a. Là sự biến đổi cả về chất của sự vật

1. Là sự tăng hay giảm về số lượng.
2. Là sự thay đổi luôn tiến bộ.
3. *Là sự vận động từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp.*

# Câu 4. Phát triển có tính chất gì?

*a. Khách quan, phổ biến, đa dạng*

1. Quy ước, phổ biến.
2. Tiền định, khách quan.
3. Chủ quan, phổ biến.

# Câu 5. Khi xem xét sự vật, quan điểm toàn diện yêu cầu điều gì?

a. Phải nhấn mạnh mọi yếu tố, mọi mối liên hệ của sự vật.

b. Phải coi các yếu tố, các mối liên hệ của sự vật là ngang nhau.

1. *Phải nhận thức sự vật như một hệ thống chỉnh thể bao gồm những mối liên hệ qua lại giữa các yếu tố của nó cũng như giữa nó với các sự vật khác.*
2. Phải xem xét các yếu tố, các mối liên hệ cơ bản, quan trọng và bỏ qua những yếu tố, những mối liên hệ không cơ bản, không quan trọng.

# Câu 6. Khi xem xét sự vật, quan điểm phát triển yêu cầu điều gì?

*a. Phải xem xét sự vật trong sự vận động, phát triển của chính nó.*

1. Phải thấy được sự vật sẽ như thế nào trong tương lai.
2. Phải thấy được sự tiến bộ mà không cần xem xét những bước thụt lùi của sự vật.
3. Cả a, b và c đều đúng.

# Câu 7. Quan điểm toàn diện đối lập với quan điểm gì?

a. Quan điểm chiết trung.

1. Quan điểm ngụy biện.
2. *Quan điểm phiến diện.*
3. Cả a, b và c đều đúng.

# Câu 8. Quan điểm phát triển đối lập với quan điểm gì?

*a. Quan điểm bảo thủ, định kiến.*

1. Quan điểm toàn diện.
2. Quan điểm lịch sử - cụ thể.
3. Quan điểm chủ quan, duy ý chí.

# Câu 9. Khi đánh giá một con người, quan điểm toàn diện đòi hỏi điều gì?

a. Phải đặc biệt nhấn mạnh một mặt nào đó, bỏ qua những mặt còn lại.

1. Phải xuất phát từ mục đích và lợi ích của họ mà đánh giá.

c. Phải đặt họ vào những điều kiện, thời đại của mình mà đánh giá.

*d. Phải đặt họ trong những mối quan hệ với những người khác, với những việc khác có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của họ mà đánh giá.*

# Câu 10. Trường phái triết học nào coi phát triển chỉ là sự thay đổi về lượng?

1. Duy vật siêu hình.
2. Duy tâm khách quan.
3. Duy tâm chủ quan.
4. Duy vật biện chứng.

**Câu 11**. Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về chất của sự vật

a. Chất của sự vật tồn tại khách quan bên ngoài sự vật, không phụ thuộc vào ý thức của con người

b. Chất của sự vật do cảm giác của con người quyết định

*c. Chất là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng, là sự thống nhất*[*hữu cơ*](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%AFu_c%C6%A1_(%C4%91%E1%BB%8Bnh_h%C6%B0%E1%BB%9Bng))*của những thuộc tính, những yếu tố cấu thành sự vật, hiện tượng, nói lên sự vật, hiện tượng đó là gì, phân biệt nó với các sự vật, hiện tượng khác*

d. Chất của sự vật là thuộc tính của sự vật

**Câu 12.** Khẳng định có "chất" thuần tuý tồn tại khách quan bên ngoài sự vật là quan điểm của trường phái triết học nào?

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan.

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

*d. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*

**Câu 13.** Khẳng định không có chất thuần tuý tồn tại mà chỉ có sự vật có chất, hơn nữa sự vật có vô vàn chất mới tồn tại. Đó là quan điểm của ai và thuộc trường phái triết học nào?

a. Phơ-bách, chủ nghĩa duy vật *c. Ăngghen, CNDV biện chứng*

b. Hêghen, chủ nghĩa duy tâm d. Mác, CNDV biện chứng

**Câu 14.** Cho rằng lượng của sự vật là do cảm giác của con người quyết định, đó là quan điểm của triết học nào?

a. Triết học duy vật biện chứng. b. Triết học duy tâm khách quan

*c. Triết học duy tâm chủ quan* d. Triết học duy vật siêu hình.

**Câu 15.** Cho rằng ý thức chúng ta kết hợp hai mặt đối lập bất kỳ đều tạo thành mâu thuẫn biện chứng là khẳng định của triết học nào?

a.CNDVBC *b. Chủ nghĩa duy tâm*

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình d. Cả a, b và c

**Câu 16.** Triết học nào cho rằng mâu thuẫn là một hiện tượng khách quan và phổ biến của thế giới vật chất?

a. CNDV siêu hình b. CNDT chủ quan

*c. CNDVBC* d. CNDT khách quan

**Câu 17.** Đâu là quan niệm của chủ nghĩa duy tâm về mâu thuẫn

a. Không tồn tại mâu thuẫn trong các sự vật một cách khách quan

b. Mâu thuẫn của sự vật là biểu hiện mâu thuẫn của lý tính thế giới

c. Mâu thuẫn của sự vật tồn tại khách quan trong sự vật, do sự kết hợp các mặt đối lập của bản thân sự vật

*d. Phương án a và b*

**Câu 18.** Phủ định biện chứng có tính chất gì?

a. Tính khách quan

b. Có tính kế thừa

*c. Cả a và b đều đúng*

d. Cả a, b đều sai

**Câu 19.** Cái cũ không bị xoá bỏ hoàn toàn mà được bảo tồn trong cái mới dưới dạng cải biến đi, đó là tính chất gì của phủ định biện chứng?

a. Tính khách quan *c. Tính kế thừa*

b. Tính Phức tạp d. Tính chu kỳ

**Câu 20.** Quy luật nào trong các quy luật của phép biện chứng duy vật cho biết phương thức của sự vận động, phát triển?

a. Quy luật mâu thuẫn

*b. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại*

c. Quy luật phủ định của phủ định

d. Cả a, b và c

**Câu 21.** Quy luật nào trong các quy luật của phép biện chứng duy vật cho biết nguồn gốc của sự vận động, phát triển?

*a. Quy luật mâu thuẫn*

b. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.

c. Quy luật phủ định của phủ định

d. Cả a, b và c

**Câu 22.** Quy luật nào trong các quy luật của phép biện chứng duy vật cho biết khuynh hướng của sự phát triển?

a. Quy luật mâu thuẫn

b. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại.

*c. Quy luật phủ định của phủ định*

d. Cả a, b và c

**Câu 23.** Quy luật của phép biện chứng tác động trong những lĩnh vực nào sau đây?

a. Tự nhiên c. Tư duy

b. Xã hội *d. Cả a, b, và c*

**Câu 24.** Trong những nhận định sau, đâu là nhận định sai?

a. Quy luật tự nhiên, xã hội và tư duy đều tồn tại khách quan

*b. Quy luật tự nhiên và xã hội là khách quan, còn quy luật tư duy là chủ quan*

c. Biện chứng chủ quan là phản ánh biện chứng khách quan

d. Cả a, b và c

**Câu 25.** Đặc điểm quan trọng nhất của quy luật phủ định của phủ định là gì?

a. Tính khách quan b. Tính kế thừa

c. Tính phổ biến *d. Tính lặp lại cái ban đầu trên cơ sở mới*

**Câu 26.** Những quy luật của phép biện chứng không thể đưa từ bên ngoài vào giới tự nhiên, mà là phát hiện ra chúng trong giới tự nhiên và rút ra từ giới tự nhiên. Đó là luận điểm của

*a. CNDVBC* c. CNDT khách quan

b. CNDVSH d. CNDT chủ quan

**Câu 27.** Luận điểm sau thuộc lập trường triết học nào: Quy luật trong các khoa học là sự sáng tạo của con người và được áp dụng vào tự nhiên và xã hội

a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

*b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 28.** Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm "chất": "Chất là phạm trù triết học dùng để chỉ ... (1) ... khách quan ... (2) ... là sự thống nhất hữu cơ những thuộc tính làm cho sự vật là nó chứ không là cái khác"

*a. (1) Tính quy định, (2) vốn có của sự vật*

b. (1) mối liên hệ, (2) của các sự vật

c. (1) các nguyên nhân, (2) của các sự vật

d. Cả a, b và c

**Câu 29.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là không đúng?

a. Chất là tính quy định vốn có của sự vật.

b. Chất là tổng hợp hữu cơ các thuộc tính của sự vật nói lên sự vật là cái gì.

*c. Chất đồng nhất với thuộc tính*

d. Cả a, b và c

**Câu 30.** Nhận định nào là đúng trong số các nhận định sau?

a. Chất đồng nhất với thuộc tính

b. Chất hoàn toàn khác thuộc tính

*c. Chất và thuộc tính phân biệt với nhau một cách tương đối*

d. Cả a, b và c

**Câu 31.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Thuộc tính của sự vật là những đặc tính vốn có của sự vật.

b. Thuộc tính của sự vật bộc lộ thông qua sự tác động giữa các sự vật

*c. Thuộc tính của sự vật không phải là cái vốn có của sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 32.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

*a. Chất tồn tại khách quan bên ngoài sự vật*

b. Chất tồn tại khách quan gắn liền với sự vật

c. Không có chất thuần tuý bên ngoài sự vật

d. Cả a, b và c

**Câu 33.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Mỗi sự vật có nhiều thuộc tính.

b. Mỗi thuộc tính biểu hiện một mặt chất của sự vật.

c. Mỗi thuộc tính có thể đóng vai trò là tính quy định về chất trong một quan hệ nhất định.

*d. Mỗi sự vật chỉ có một tính quy định về chất*

**Câu 34.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Không có chất thuần tuý tồn tại bên ngoài sự vật

b. Chỉ có sự vật có chất mới tồn tại

c. Chỉ có sự vật có vô vàn chất mới tồn tại

*d. Sự vật và chất hoàn toàn đồng nhất với nhau*

**Câu 35.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

*a. Chất của sự vật được biểu hiện thông qua thuộc tính của sự vật*

b. Mọi thuộc tính đều biểu hiện chất của sự vật

c. Thuộc tính thay đổi, luôn làm cho chất của sự vật thay đổi

d. Cả a, b và c

**Câu 36.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Chất của sự vật tồn tại do phương pháp quan sát sự vật của con người quyết định"

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

*b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

d. Cả a, b và c

**Câu 37.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng

*a. Chất là cái vốn có của sự vật, tồn tại khách quan trong sự vật*

b. Chất của sự vật phụ thuộc vào cách xem xét của con người, do vậy không tồn tại khách quan mà do ý muốn chủ quan con người quyết định

c. Chất của sự vật tồn tại khách quan trước khi sự vật tồn tại

d. Cả a, b và c

**Câu 38.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan

a. Chất là cái vốn có của sự vật, tồn tại khách quan trong sự vật.

*b. Chất của sự vật phụ thuộc vào cách xem xét của con người, do vậy không tồn tại khách quan mà do ý muốn chủ quan con người quyết định*

c. Chất của sự vật tồn tại khách quan trước khi sự vật tồn tại

d. Cả a, b và c

**Câu 39.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan

a. Chất là cái vốn có của sự vật, tồn tại khách quan trong sự vật

b. Chất của sự vật phụ thuộc vào cách xem xét của con người, do vậy không tồn tại khách quan mà do ý muốn chủ quan con người quyếtt định

*c. Chất của sự vật tồn tại khách quan trước khi sự vật tồn tại*

d. Cả a, b và c

**Câu 40.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Chất của sự vật phụ thuộc vào số lượng các yếu tố tạo thành sự vật

b. Chất của sự vật phụ thuộc vào phương thức kết hợp các yếu tố của sự vật

*c. Mọi sự thay đổi phương thức kết hợp các yếu tố của sự vật, đều không làm cho chất của sự vật thay đổi*

d. Cả a, b và c

**Câu 41.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Chất tồn tại khách quan trước khi sự vật tồn tại, quyết định đến sự tồn tại của sự vật

*a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

**Câu 42.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Chất của sự vật phụ thuộc vào góc độ xem xét của con người, vậy chất của sự vật là cái do ý muốn con người quyết định".

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

*b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

**Câu 43.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Trong mọi quan hệ, mọi cách xem xét thì chất, lượng và thuộc tính để phân biệt hoàn toàn với nhau, không thể chuyển hoá cho nhau"

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

*c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình*

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

**Câu 44.** Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm "lượng": Lượng là phạm trù triết học dùng để chỉ...(1) ... của sự vật về mặt ...(2) ... của sự vận động và phát triển cũng như các thuộc tính của sự vật**.**

*a. (1) tính quy định vốn có,(2) số lượng,quy mô, trình độ, nhịp điệu*

b. (1) mối liên hệ và phụ thuộc, (2) bản chất bên trong.

c. (1) mức độ quy mô, (2) chất lượng, phẩm chất.

d. Cả a, b và c

**Câu 45.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thể hiện trong những nhận định sau

*a. Lượng là cái vốn có của sự vật, không phụ thuộc vào ý chí của con người*

b. Lượng của sự vật do cảm giác của con người xác định, không tồn tại khách quan

c. Lượng của sự vật tồn tại trước sự vật

d. Cả a, b và c

**Câu 46.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm chủ quan thể hiện trong những nhận định sau

a. Lượng là cái vốn có của sự vật, không phụ thuộc vào ý chí của con người.

*b. Lượng của sự vật do cảm giác của con người xác định, không tồn tại khách quan*

c. Lượng của sự vật tồn tại trước sự vật

d. Cả a, b và c

**Câu 47.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan thể hiện trong những nhận định sau

a. Lượng là cái vốn có của sự vật, không phụ thuộc vào ý chí của con người.

b. Lượng của sự vật do cảm giác của con người xác định, không tồn tại khách quan.

*c. Lượng của sự vật tồn tại trước sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 48.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Lượng là tính quy định vốn có của sự vật

b. Lượng nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật

*c. Lượng phụ thuộc vào ý chí của con người*

d. Lượng tồn tại khách quan gắn liền với sự vật

**Câu 49.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Chất và lượng của sự vật đều tồn tại khách quan

b. Không có chất lượng thuần tuý tồn tại bên ngoài sự vật

*c. Sự phân biệt giữa chất và lượng phụ thuộc vào ý chí của con người*

d. Sự phân biệt giữa chất và lượng của sự vật có tính chất tương đối

**Câu 50.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Sự vật nào cũng là sự thống nhất giữa mặt chất và lượng

b. Tính quy định về chất nào của sự vật cũng có tính quy định về lượng tương ứng

*c. Tính quy định về chất không có tính ổn định*

d. Tính quy định về lượng nói lên mặt thường xuyên biến đổi của sự vật

**Câu 51.** Theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của lượng

b. Độ là phạm trù chỉ sự biến đổi của chất

*c. Độ là phạm trù triết học chỉ giới hạn biến đổi của lượng, trong đó chưa làm thay đổi chất của sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 52.** Giới hạn từ 0oC đến 100oC được gọi là gì trong quy luật lượng - chất?

*a. Độ* c. Lượng

b. Chất d. Bước nhảy

**Câu 53.** Khi nước chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái khí tại 100oC được gọi là gì trong quy luật lượng - chất?

a. Độ *c. Điểm nút*

b. Bước nhảy d. Tiệm tiến

**Câu 54.** Trong một mối quan hệ nhất định cái gì xác định sự vật?

a. Tính quy định về lượng

*b. Tính quy định về chất*

c. Thuộc tính của sự vật

d. Cả a, b và c

**Câu 55.** Tính quy định nói lên sự vật trong một mối quan hệ nhất định nào đó, gọi là gì?

*a. Chất* c. Độ

b. Lượng d. Bước nhảy

**Câu 56.** Tính quy định nói lên quy mô, trình độ phát triển của sự vật trong một mối quan hệ nhất định được gọi là gì?

a. Chất c. Độ

*b. Lượng* d. Điểm nút

**Câu 57.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng chưa làm cho chất của sự vật biến đổi

*b. Trong giới hạn của độ sự thay đổi của lượng đều đưa đến sự thay đổi về chất của sự vật*

c. Chỉ khi lượng đạt đến giới hạn của độ mới làm cho chất của sự vật thay đổi

d. Cả a, b và c

**Câu 58.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Không phải mọi sự biến đổi của lượng đều đưa đến sự biến đổi của chất.

b. Sự thay đổi của lượng phải đạt đến một giới hạn nhất định mới làm cho chất của sự vật thay đổi.

*c. Mọi sự thay đổi của lượng đều đưa đến sự thay đổi về chất của sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 59.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

*a. Sự biến đổi về chất là kết quả sự biến đổi về lượng của sự vật*

b. Không phải sự biến đổi về chất nào cũng là kết quả của sự biến đổi về lượng

c. Sự biến đổi về chất hoàn toàn không liên quan gì đến sự thay đổi của lượng

d. Cả a, b và c

**Câu 60.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về lượng

b. Phát triển của sự vật chỉ bao hàm sự thay đổi về chất

*c. Quá trình phát triển của sự vật là quá trình chuyển hoá từ sự thay đổi dần dần về lượng sang sự thay đổi về chất và ngược lại*

d. Cả a, b và c

**Câu 61.** Câu ca dao: Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao,

Thể hiện nội dung quy luật nào của phép biện chứng duy vật?

a. Quy luật mâu thuẫn

b. Quy luật phủ định của phủ định

*c. Quy luật chuyển hoá từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại*

d. Cả a, b và c

**Câu 62.** Trong hoạt động thực tiễn sai lầm của sự chủ quan, nóng vội là do không tôn trọng quy luật nào?

a. Quy luật mâu thuẫn

b. Quy luật phủ định của phủ định

*c. Quy luật lượng - chất*

d. Cả a, b và c

**Câu 63.** Trong hoạt động thực tiễn sai lầm của trì trệ bảo thủ là do không tôn trọng quy luật nào của phép biện chứng duy vật?

*a. Quy luật lượng - chất*

b. Quy luật phủ định của phủ định

c. Quy luật mâu thuẫn

d. Cả a, b và c

**Câu 64.** Lênin nói quy luật mâu thẫn có vị trí như thế nào trong phép biện chứng duy vật?

*a. Là hạt nhân của phép biện chứng duy vật, vạch ra nguồn gốc bên trong của sự vận động và phát triển*

b. Vạch ra xu hướng của sự phát triển

c. Vạch ra cách thức của sự phát triển

d. Cả a, b và c

**Câu 65.** Nhận định nào sau đây là sai?

a. Sự vật là một thể thống nhất không có mâu thuẫn

b. Hai mặt đối lập nào kết hợp với nhau cũng tạo thành mâu thuẫn

c. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong tư duy không tồn tại trong hiện thực

*d. Cả a, b, và c*

**Câu 66.** Trong lý luận về mâu thuẫn người ta gọi quá trình đồng hoá và dị hoá trong cơ thể sống là gì?

a. Những thuộc tính c. Hai yếu tố

b. Những sự vật *d. Hai mặt đối lập*

**Câu 68.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Mặt đối lập là những mặt có đặc điểm trái ngược nhau, quan hệ mật thiết với nhau trong sự vật.

b. Mặt đối lập tồn tại khách quan trong các sự vật

*c. Mỗi mặt đối lập tồn tại riêng biệt, không quan hệ gì với cái đối lập với nó và với sự vật*

d. Mặt đối lập là vốn có của các sự vật, hiện tượng, không do ai sáng tạo ra

**Câu 69.** Theo quan điểm của CNDVBC các mặt đối lập do đâu mà có?

a. Do ý thức cảm giác của con người tạo ra.

b. Do ý niệm tuyệt đối sinh ra

*c. Là cái vốn có của thế giới vật chất, không do ai sáng tạo ra*

d. Cả a, b và c

**Câu 70.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, luận điểm nào sau đây là sai?

a. Các mặt đối lập nằm trong sự liên hệ với nhau, không có mặt đối lập nào tồn tại biệt lập

*b. Không phải lúc nào các mặt đối lập cũng liên hệ với nhau*

c. Các mặt đối lập liên hệ, tác động qua lại với nhau một cách khách quan

d. Cả a, b và c

**Câu 71.** Luận điểm nào sau đây là không đúng

a. Hai mặt đối lập của sự vật liên hệ với nhau tạo thành mâu thuẫn biện chứng

*b. Ghép hai mặt đối lập lại với nhau là được mâu thuẫn biện chứng*

c. Không phải ghép bất kỳ hai mặt đối lập lại với nhau là được mâu thuẫn biện chứng

d. Cả a, b và c

**Câu 72.** Luận điểm nào sau đây là đúng

*a. Không có mặt đối lập nào của sự vật tồn tại biệt lập với mặt đối lập của nó*

b. Mỗi mặt đối lập đều tồn tại riêng biệt.

c. Mặt đối lập không phải luôn luôn tồn tại riêng biệt.

d. Cả a, b và c.

**Câu 73.** Hai mặt đối lập ràng buộc nhau, tạo tiền đề tồn tại cho nhau triết học gọi là gì?

a. Sự đấu tranh của hai mặt đối lập

*b. Sự thống nhất của hai mặt đối lập*

c. Sự chuyển hoá của hai mặt đối lập

d. Cả a, b và c

**Câu 74.** Theo quan điểm của CNDVBC sự thống nhất của các mặt đối lập có những biểu hiện gì?

*a. Sự cùng tồn tại, nương tựa nhau*

b. Sự đồng nhất, có những điểm chung giữa hai mặt đối lập

c. Sự tác động ngang bằng nhau.

d. Cả a, b và c

**Câu 75.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Sự thống nhất của các mặt đối lập loại trừ sự đấu tranh của các mặt đối lập"

*a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình*

b. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

c. Chủ nghĩa duy tâm biện chứng

d. Cả a, b và c

**Câu 76.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thể hiện trong các nhận định sau

a. Sự thống nhất không bao hàm sự đấu tranh giữa các mặt đối lập

b. Sự thống nhất bao hàm sự đấu tranh giữa các mặt đối lập

c. Sự thống nhất là sự thỏa hiệp giữa các mặt đối lập

*d. Cả b và c*

**Câu 77.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy tâm khách quan thể hiện trong các nhận định sau:

*a. Sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập được thực hiện trước, bên ngoài sự vật.*

b. Sự vật chỉ là biểu hiện của quá trình thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập của lý tính thế giới

c. Cả a và b đều sai

d. Cả a và b đều đúng

**Câu 80.** Sự tác động theo xu hướng nào thì được gọi là sự đấu tranh của các mặt đối lập?

a. Ràng buộc nhau.

b. Nương tựa nhau

*c. Phủ định, bài trừ nhau*

d. Cả a, b và c

**Câu 81.** Theo quan điểm của CNDVBC nhận định nào là đúng trong các nhận định sau

*a. Thống nhất là tương đối, đấu tranh là tuyệt đối*

b. Thống nhất là tuyệt đối, đấu tranh là tương đối

c. Cả a và b đều sai

d. Cả a, b đều đúng

**Câu 82.** Theo quan điểm của CNDVBC, đâu là nhận định đúng trong các nhận định sau

a. Chỉ có thống nhất giữa các mặt đôi lập là động lực của sự vận động và phát triển.

b. Chỉ có đấu tranh giữa các mặt đối lập là động lực của sự vận động và phát triển.

*c. Thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập là động lực của sự vận động và phát triển của sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 83.** Lập trường triết học nào cho rằng mâu thuẫn tồn tại là do tư duy, ý thức của con người quyết định?

a. Chủ nghĩa duy vật siêu hình.

*b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d. Chủ nghĩa duy vật biện chứng.

**Câu 84.** Quan điểm triết học nào cho rằng mâu thuẫn và quy luật mâu thuẫn là sự vận động của ý niệm tuyệt đối?

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

*b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*

c. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

d. Cả a, b đều đúng

**Câu 85.** Quan điểm nào sau đây là của CNDVBC?

*a. Mâu thuẫn tồn tại khách quan trong mọi sự vật, hiện tượng, quá trình của tự nhiên, xã hội và tư duy*

b. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong tư duy

c. Mâu thuẫn chỉ tồn tại trong một số hiện tượng

d. Cả a, b đều đúng

**Câu 86.** Trong mâu thuẫn biện chứng các mặt đối lập quan hệ với nhau như thế nào?

a. Chỉ thống nhất với nhau.

b. Chỉ có mặt đấu tranh với nhau

*c. Vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau*

d. Cả a, b đều đúng

**Câu 87.** Trong phép biện chứng duy vật sự thay thế sự vật này bằng sự vật kia (thí dụ: nụ thành hoa, hoa thành quả v.v.) được gọi là gì?

a. Mâu thuẫn c. Tồn tại

*b. Phủ định* d. vận động

**Câu 88.** Sự tự thay thế sự vật này bằng sự vật kia không phụ thuộc vào ý thức con người trong phép biện chứng duy vật được gọi là gì?

a. Vận động *c. Phủ định biện chứng*

b. Phủ định d. Phủ định của phủ định

**Câu 89.** Tôi nói "bông hoa hồng đỏ". Tôi lại nói "bông hoa hồng không đỏ" để phủ nhận câu nói trước của tôi. Đây có phải là phủ định biện chứng không?

*a. Không* c. Vừa phải vừa không phải

b. Phải d. Cả a, b đều sai

**Câu 90.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Phủ định biện chứng có tính khách quan

b. Phủ định biện chứng là kết quả giải quyết những mâu thuẫn bên trong sự vật

*c.Phủ định biện chứng phụ thuộc vào ý thức của con người*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 91.** Theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là sai?

*a. Phủ định biện chứng xoá bỏ cái cũ hoàn toàn*

b. Phủ định biện chứng không đơn giản xoá bỏ cái cũ

c. Phủ định biện chứng loại bỏ những yếu tố không thích hợp của cái cũ

d. Phủ định biện chứng giữ lại và cải biến những yếu tố còn thích hợp của cái cũ.

**Câu 92.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Cái mới ra đời trên cơ sở phá huỷ hoàn toàn cái cũ"

*a. Quan điểm siêu hình*

b. Quan điểm biện chứng duy vật

c. Quan điểm biện chứng duy tâm

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 93.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Cái mới ra đời trên cơ sở giữ nguyên cái cũ"

a. Quan điểm biện chứng duy vật

b. Quan điểm biện chứng duy tâm

*c. Quan điểm siêu hình, phản biện chứng*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 94.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Triết học Mác ra đời trên cơ sở phủ định hoàn toàn các hệ thống triết học trong lịch sử"

a. Quan điểm duy tâm siêu hình

b. Quan điểm biện chứng duy vật

c. Quan điểm biện chứng duy tâm

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 95.** Sự tự phủ định để đưa sự vật dường như quay lại điểm xuất phát ban đầu trong phép biện chứng được gọi là gì?

a. Phủ định biện chứng

*b. Phủ định của phủ định*

c. Bước nhảy

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 96.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Phủ định của phủ định có tính khách quan và kế thừa

*b. Phủ định của phủ định hoàn toàn lặp lại cái ban đầu*

c. Phủ định của phủ định lặp lại cái ban đầu trên cơ sở mới cao hơn

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 97.** Con đường phát triển của sự vật mà quy luật phủ định của phủ định vạch ra là con đường nào?

a. Đường thẳng đi lên

b. Đường tròn khép kín

*c. Đường xoáy ốc đi lên*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 98.** Theo quan điểm của CNDVBC luận điểm nào sau đây là sai?

a. Phủ định của phủ định kết thúc một chu kỳ phát triển của sự vật

*b. Phủ định của phủ định kết thúc sự phát triển của sự vật*

c. Phủ định của phủ định mở đầu một chu kỳ phát triển mới của sự vật

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 99.** Vị trí của quy luật phủ định của phủ định trong phép biện chứng duy vật?

a. Chỉ ra nguồn gốc của sự phát triển

b. Chỉ ra cách thức của sự phát triển

*c. Chỉ ra xu hướng của sự phát triển*

d. Cả a, b và c

**Câu 100.** Các phạm trù số, hàm số, điểm, đường, mặt là phạm trù của khoa học nào?

a. Vật lý *c. Toán học*

b. Hoá học d. Triết học

**Câu 101.** Các phạm trù: thực vật, động vật, tế bào, đồng hoá, dị hoá là những phạm trù của khoa học nào

a. Toán học *c. Sinh vật học*

b. Vật lý học d. Triết học

**Câu 102.** Các phạm trù: vật chất, ý thức, vận động, mâu thuẫn, bản chất, hiện tượng là những phạm trù của khoa học nào?

a. Kinh tế chính trị học c. Hoá học

b. Luật học *d. Triết học*

**Câu 103.** Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa về phạm trù: "phạm trù là những ........... phản ánh những mặt, những thuộc tính, những mối liên hệ chung, cơ bản nhất của các sự vật và hiện tượng thuộc một lĩnh vực nhất định"

a. Khái niệm c. Mối liên hệ cơ bản nhất

b. Khái niệm rộng nhất *d. Gồm b và c*

**Câu 104**. Thêm cụm từ nào vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù triết học: "Phạm trù triết học là những khái niệm chung nhất phản ánh những mặt, những mối liên hệ cơ bản và phổ biến nhất của .....(2).... hiện thực"

a. Các sự vật của *c. Toàn bộ thế giới*

b. Một lĩnh vực của d. Cả a, b,c đều đúng

**Câu 105.** Đâu là quan điểm siêu hình trong các luận điểm sau:

*a. Phạm trù triết học tồn tại độc lập không có liên hệ gì với phạm trù của các khoa học*

b. Phạm trù triết học tồn tại trong mối liên hệ với phạm trù của các khoa học cụ thể

c. Cả a và b đều sai

d. Cả a, b đều đúng

**Câu 106.** Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về quan hệ giữa phạm trù triết học và phạm trù của các khoa học cụ thể như thế nào?

a. Không quan hệ gì với nhau

b. Là quan hệ giữa cái chung với cái chung

*c. Là quan hệ giữa cái chung với cái riêng*

d. Là quan hệ giữa cái riêng với cái riêng

**Câu 107.** Trường phái triết học nào cho rằng phạm trù là những thực thể ý niệm tồn tại độc lập với ý thức con người và thế giới vật chất?

*a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 108.** Trường phái triết học nào cho rằng phạm trù được hình thành trong quá trình hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người?

*a. Chủ nghĩa duy vật biện chứng*

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình thế kỷ XVII - XVIII

**Câu 109.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng nội dung phạm trù có tính chất gì?

*a. Khách quan* c. Vừa khách quan, vừa chủ quan

b. Chủ quan d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 110.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng hình thức của các phạm trù có tính chất gì?

a. Tính khách quan c. Cả a và b đều sai

*b. Tính chất chủ quan* d. Cả a, b đều đúng

**Câu 111.** Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về tính chất của các phạm trù: Nội dung của phạm trù có tính ..(1) ..., hình thức của phạm trù có tính...(2)..

a. (1) chủ quan, (2) khách quan

b. (1) chủ quan, (2) chủ quan.

*c. (1) khách quan, (2) chủ quan*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 112.** Quan điểm triết học nào cho rằng các phạm trù hoàn toàn tách rời nhau, không vận động, phát triển?

*a. Quan điểm siêu hình*

b. Quan điểm duy vật biện chứng

c. Quan điểm duy tâm biện chứng

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 113.** Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái riêng: "cái riêng là phạm trù triết học dùng để chỉ ......"

*a. Một sự vật, một quá trình riêng lẻ nhất định*

b. Một đặc điểm chung của các sự vật

c. Nét đặc thù của một số các sự vật

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 114.** Chọn cụm từ thích hợp điền vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái chung: "cái chung là phạm trù triết học dùng để chỉ ......., được lặp lại trong nhiều sự vật hay quá trình riêng lẻ".

a. Một sự vật, một quá trình

*b. Những mặt, những thuộc tính*

c. Những mặt, những thuộc tính không

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 115.** Thêm cụm từ vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm cái đơn nhất: "Cái đơn nhất là phạm trù triết học dùng để chỉ........."

a. Những mặt lặp lại trong nhiều sự vật

b. Một sự vật riêng lẻ

*c. Những nét, những mặt chỉ có ở một sự vật*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 116.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng

a. Chỉ có cái chung tồn tại khách quan và vĩnh viễn

b. Chỉ có cái riêng tồn tại khách quan và thực sự

*c. Cái riêng và cái chung đều tồn tại khách quan và không tách rời nhau*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 117.** Đâu là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng?

a. Cái chung tồn tại khách quan, bên ngoài cái riêng

b. Cái riêng tồn tại khách quan không bao chứa cái chung

*c. Không có cái chung thuần tuý tồn tại ngoài cái riêng, cái chung tồn tại thông qua cái riêng*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 118.** Trong những luận điểm sau, đâu là luận điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng?

a. Mỗi con người là một cái riêng, không có gì chung với người khác

*b. Mỗi con người vừa là cái riêng, đồng thời có nhiều cái chung với người khác*

c. Mỗi người chỉ là sự thể hiện của cái chung, không có cái đơn nhất của nó

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 119.** Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm nguyên nhân: Nguyên nhân là phạm trù chỉ ....(1).. giữa các mặt trong một sự vật, hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra ...(2)..

a. (1) sự liên hệ lẫn nhau, (2) một sự vật mới

b. (1) sự thống nhất, (2) một sự vật mới

*c. (1)sự tác động lẫn nhau, (2) một biến đổi nhất định nào đó*

d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 120.** Thêm cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm kết quả: "Kết quả là ...(1).. do ...(2).. lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra"

a. (1) mối liên hệ, (2) kết hợp

b. (1) sự tác động, (2) những biến đổi

*c. (1) những biến đổi xuất hiện, (2) sự tác động*

d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 121.** Xác định nguyên nhân của sự phát sáng của bóng đèn dây tóc.

a. Nguồn điện

b. Dây tóc bóng đèn

*c. Sự tác động giữa dòng điện và dây tóc bóng đèn*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 122.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng đâu là nguyên nhân của cách mạng vô sản.

a. Sự xuất hiện giai cấp tư sản

b. Sự xuất hiện nhà nước tư sản

c. Sự xuất hiện giai cấp vô sản và Đảng của nó

*d. Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản*

**Câu 123.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Mối liên hệ nhân quả là do ý lý tính thế giới quyết định

*a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan*

b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 124.** Luận điểm sau đây là thuộc lập trường triết học nào: Mọi hiện tượng, quá trình đều có nguyên nhân tồn tại khách quan không phụ thuộc vào việc chúng ta có nhận thức được điều đó hay không.

a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

*c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 125.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù tất nhiên: tất nhiên là cái do ..(1).. của kết cấu vật chất quyết định và trong những điều kiện nhất định nó phải ...(2).. .. chứ không thể khác được

a. (1) nguyên nhân bên ngoài, (2) xảy ra như thế

*b. (1) những nguyên nhân bên trong, (2) xảy ra như thế*

c. (1) những nguyên nhân bên trong, (2) không xác định được

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 126.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm ngẫu nhiên: "Ngẫu nhiên là cái không do ...(1)... kết cấu vật chất quyết định, mà do ...(2)... quyết định"

a. (1) nguyên nhân, (2) hoàn cảnh bên ngoài

*b. (1) Mối liên hệ bản chất bên trong, (2) nhân tố bên ngoài*

c. (1) mối liên hệ bên ngoài, (2) mối liên hệ bên trong

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 127.** Luận điểm nào sau đây là đúng?

a. Mọi cái chung đều là cái tất yếu

b. Mọi cái chung đều không phải là cái tất yếu

*c. Chỉ có cái chung được quyết định bởi bản chất nội tại của sự vật mới là cái tất yếu*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 128.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: Tất nhiên là cái chúng ta biết được nguyên nhân và chi phối được nó

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

*b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 129.** Điền tập hợp từ vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm nội dung: nội dung là .... những mặt, những yếu tố, những quá trình tạo nên sự vật

a. Sự tác động

b. Sự kết hợp

*c. Tổng hợp tất cả*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 130.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa phạm trù hình thức: Hình thức là ...(1)... của sự vật,là hệ thống ...(2)... giữa các yếu tố của sự vật.

a. (1) các mặt các yếu tố, (2) mối liên hệ

*b. (1) phương thức tồn tại và phát triển, (2) các mối liên hệ tương đối bền vững*

c. (1) tập hợp tất cả những mặt, (2) mối liên hệ bền vững

d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 131.** Điền cụm từ tích hợp vào câu sau để được khái niệm về hình thức: Hình thức là hệ thống ............. giữa các yếu tố của sự vật.

*a. Mối liên hệ tương đối bền vững*

b. Hệ thống các bước chuyển hoá

c. Mặt đối lập

d. Mâu thuẫn được thiết lập

**Câu 132.** Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng luận điểm nào sau đây là sai?

a. Không có hình thức tồn tại thuần tuý mà không chứa đựng nội dung

b. Nội dung nào cũng tồn tại trong một hình thức nhất định

*c. Nội dung và hình thức hoàn toàn tách rời nhau*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 133.** Điền cụm từ thích hợp vào câu sau để được định nghĩa khái niệm bản chất: Bản chất là tổng hợp tất cả những mặt, những mối liên hệ ...(1)...bên trong sự vật, quy định sự ...(2)... của sự vật.

a. (1) chung, (2) vận động và phát triển

b. (1) ngẫu nhiên, (2) tồn tại và biến đổi

*c. (1) tất nhiên, tương đối ổn định, (2) vận động và phát triển*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 134.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm hiện tượng: Hiện tượng là ........ của bản chất.

a. Cơ sở

b. Nguyên nhân

*c. Biểu hiện ra bên ngoài*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 135.** Luận điểm sau đây thuộc lập trường triết học nào: "Bản chất chỉ là tên gọi trống rỗng, do con người đặt ra, không tồn tại thực"

*a. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

b. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 136.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm hiện thực: "Hiện thực là phạm trù triết học chỉ cái ........."

a. Mối liên hệ giữa các sự vật

b. Chưa có, chưa tồn tại

*c. Hiện có đang tồn tại*

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 137.** Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống của câu sau để được định nghĩa khái niệm khả năng: "Khả năng là phạm trù triết học chỉ .......... khi có các điều kiện thích hợp"

a. Cái đang có, đang tồn tại

*b. Cái chưa có, nhưng sẽ có*

c. Cái không thể có

d. Cái tiền đề để tạo nên sự vật mới

**Câu 138.** Dấu hiệu để phân biệt khả năng với hiện thực là gì?

*a. Sự có mặt và không có mặt trên thực tế*

b. Sự nhận biết được hay không nhận biết được

c. Sự xác định hay không xác định

d. Cả a, b, c đều đúng

**Câu 139.** Cho nhận thức chỉ là sự phức hợp những cảm giác của con người, đó là quan điểm của:

a. Chủ nghĩa duy tâm khách quan

*b. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan*

c. Chủ nghĩa duy vật biện chứng

d. Chủ nghĩa duy vật siêu hình

**Câu 140.** Luận điểm nào sau đây là quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về bản chất của nhận thức

a. Nhận thức là sự phản ánh hiện thực khách quan

b. Nhận thức là quá trình linh hồn hồi tưởng về thế giới ý niệm

*c. Nhận thức là quá trình phản ánh một cách tích cực và sáng tạo hiện thực khách quan vào trong đầu óc con người và dựa trên cơ sở hoạt động thực tiễn*

d. Cả a, b, c đều sai

**Câu 141.** Coi thực tiễn là cơ sở chủ yếu và trực tiếp nhất của nhận thức, là động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn của chân lý. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận của:

*a. CNDVBC* c. CNDT chủ quan

b. CNDV trước Mác d. CNDT khách quan.

**Câu 142.** Thực tiễn được hiểu là hoạt động vật chất của con người. Đó là quan niệm của

a. CNDV trước Mác c. CNDT

b. CNDVBC *d. a và b*

**Câu 143.** Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau để được định nghĩa về phạm trù thực tiễn: "Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động .... , mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội"

a. Vật chất *c. Vật chất có mục đích*

b. Tinh thần d. Tinh thần có mục đích

**Câu 144.** Điền tập hợp từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau để được định nghĩa về phạm trù thực tiễn: "Thực tiễn là toàn bộ những hoạt động vật chất có mục đích, mang tính .... của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội".

a. Cá nhân c. Lịch sử

b. Tự giác *d. Lịch sử - xã hội*

**Câu 145.** Theo quan điểm của CNDVBC có bao nhiêu hình thức hoạt động thực tiễn cơ bản

a. Có 2 hình thức c. Có 4 hình thức

*b. Có 3 hình thức* d. Có 5 hình thức.

**Câu 146.** Những hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn

a. Sản xuất vật chất. c. Chính trị xã hội

b. Quan sát và thực nghiệm khoa học *d. Cả a, b và c*

**Câu 147.** Trong những hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn, hình thức nào là cơ bản nhất, có ý nghĩa quyết định đối với các hình thức khác

*a. Sản xuất vật chất* c. Quan sát và thực nghiệm khoa học

b. Chính trị xã hội d. Không có hình thức nào

**Câu 148.** Hoạt động thực tiễn nào tạo ra của cải thiết yếu có tính quyết định đối với sự tinh tồn và phát triển con người

*a. Hoạt động sản xuất vật chất* c. Hoạt động Thực nghiệm khoa học

b. Hoạt động chính trị xã hội d. Cả a, b và c

**Câu 149.** Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức là

a. Thực tiễn là cơ sở, động lực và mục đích của nhận thức

b. Thực tiễn là tiêu chuẩn để kiểm tra chân lý

c. Thực tiễn là hiện thực hoá nhận thức

*d. Phương án a và b*

**Câu 150.** Quan điểm thực tiễn đòi hỏi nhận thức phải

a. Xuất phát từ thực tiễn c. Coi trọng tổng kết thực tiễn

b. Đi sâu vào thực tiễn  *d. Cả a, b và*

**Câu 151.** Giai đoạn nhận thức nào hình thành nên các cảm giác ở con người

*a. Nhận thức cảm tính* c. Nhận thức lý luận

b. Nhận thức lý tính d. Cả a, b, và c

**Câu 152.** Giai đoạn nhận thức nào hình thành nên các tri giác

*a. Nhận thức cảm tính* c. Nhận thức lý luận

b. Nhận thức lý tính. d. Phương án b và c

**Câu 153.** Biểu tượng là hình thức nhận thức ở giai đoạn nào

a. Nhận thức lý tính *c. Nhận thức cảm tính*

b. Nhận thức khoa học d. Cả a, b và c

**Câu 154.** Nhận thức cảm tính có những hình thức nào

a. Cảm giác c. Biểu tượng

b. Tri giác *d. Cả a, b và c*

**Câu 155.** Nhận thức lý tính có những hình thức nào

a. Khái niệm c. Suy luận

b. Phán đoán *d. Cả a, b và c*

**Câu 156.** Khái niệm là hình thức nhận thức ở giai đoạn nào

a. Cảm tính c. Trực quan sinh động

*b. Lý tính* d. Phương án a và b

**Câu 157.** Phán đoán là hình thức nhận thức ở giai đoạn nào

a. Cảm tính c. Cả a và b

*b. Lý tính* d. Cả a,b,c đều sai

**Câu 158.** Suy luận là hình thức nhận thức thuộc giai đoạn nào

a. Cảm tính c. Cả a và b.

*b. Lý tính* d. Cả a,b,c đều sai

**Câu 159.** Cảm giác màu sắc, mùi vị và nhiệt độ của sự vật là nhận thức thuộc giai đoạn nào

*a. Giai đoạn nhận thức cảm tính* c. Cả a và b đều đúng

b. Giai đoạn nhận thức Lý tính d. Cả a,b đều sai

**Câu 160.** Nhận thức cảm tính có đặc điểm gì

a. Phán ánh trực tiếp hiện thực khách quan

b. Phán ánh được những thuộc tính đa dạng, bên ngoài của sự vật

c. Chưa phản ánh được mối liên hệ bên trong, bản chất của sự vật

*d. Cả a, b và c*

**Câu 161.** Nhận thức lý tính có những đặc điểm gì

a. Phán ánh khái quát hiện thực khách quan

b. Phán ánh gián tiếp hiện thực khách quan

*c. Phán ánh được những mối liên hệ bên trong bản chất của sự vật*

d. Cả a, b và c

**Câu 162.** Đâu là quan điểm về chân lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng

a. Chân lý là những luận điểm được nhiều người thừa nhận

*b. Chân lý là luận điểm phản ánh đúng hiện thực khách quan và được thực tiễn kiểm nghiệm*

c. Chân lý là những luận điểm của kẻ mạnh

d. Chân lý là những suy luận chính xác, không có mâu thuẫn

**Câu 163.** Chân lý có những tính chất gì

a. Tính khách quan c.Tính cụ thể

b. Tính tương đối và tuyệt đối *d. Cả a, b và c*

**Câu 164.** Để đề ra đường lối đúng đắn cho cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã căn cứ vào đâu

a. Điều kiện lịch sử cụ thể của đất nước

b. Những quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

c. Những kinh nghiệm của các nước trên thế giới

*d. Cả a, b và c*